

Bản án số: 39/2020/ KDTM-ST
Ngày: 06 - 8 - 2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Các ngày 10 tháng 7 năm 2020 và ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2017 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2020/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 308/2020/QĐST-KDTM ngày 10/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Th; Trụ sở: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Khắc Kh (Văn bản ủy quyền số 14238/2020/UQ-PGD ngày 05/3/2020).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Th; Trụ sở: 113 Hòa Bình, Phường H, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lại Văn V, sinh năm: 1981; Thường trú: 3/12 Kênh Hiệp Tân, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 42/7 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lại Văn V sinh năm: 1981; Thường trú: 3/12 Kênh Hiệp Tân, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 42/7 Lương Thế Vinh, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Võ Duy T, sinh năm: 1994; Địa chỉ: 226, tổ 19, Ấp Suối Ông Đình, Xã Trà Vong, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

(Ông Kh; ông V có mặt; ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do ông Ma Khắc Kh đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Th (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/EMH/15/0081/HDHM ngày 18/11/2015 với Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Th (sau đây gọi tắt là Công ty Th) với các nội dung sau: Tiền vay: 2.000.111.318 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, phần mềm.

Thực hiện hợp đồng vay Ngân hàng đã giải ngân từng lần theo từng Khế ước nhận nợ như sau: Khế ước nhận nợ lần 01 số SME/EMH/15/0081/HDHM ngày 18/11/2015 số tiền vay 400.000.000 đồng, Lãi suất 16.05%/năm, lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần; Khế ước nhận nợ lần 02 số SME/EMH/15/0081/HDHM ngày 03/12/2015 số tiền vay 788.078.302 đồng, lãi suất 16.35%/năm, lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần; Khế ước nhận nợ lần 03 số SME/EMH/15/0081/HDHM ngày 07/01/2016, số tiền vay 349.933.000 đồng, lãi suất 17.85%/năm, lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần; Khế ước nhận nợ lần 4 số SME/EMH/15/0081/HDHM ngày 24/02/2016, số tiền vay 204.000.016 đồng, lãi suất 17.85%/năm, lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần; Khế ước nhận nợ lần 5 số SME/EMH/15/0081/HDHM ngày 15/4/2016, số tiền vay 258.000.000 đồng, lãi suất 17.9%/năm, lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần.

Để đảm bảo cho khoản vay trên Ngân hàng đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lại Văn V và ông Võ Duy T theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/15/0081/HĐBL ngày 18/11/2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Th đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Th trả số tiền 2.826.245.488 đồng, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 1.323.598.574 đồng

+ Lãi suất tính đến ngày 06/8/2020 là 1.502.646.914 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Th không thanh toán thì buộc ông Lại Văn V và ông Võ Duy T liên đới thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Thế giới số (do ông Lại Văn V là đại diện theo pháp luật) trình bày:

Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Th (gọi tắt là Công ty Th) xác nhận việc ký hợp đồng tín dụng với nội dung như Ngân hàng trình bày là đúng. Nay ông xác

nhận số nợ 2.826.245.488 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.323.598.574 đồng; Lãi suất tính đến ngày 06/8/2020 là 1.502.646.914 đồng) ông xác nhận số nợ này. Tuy nhiên, do hoàn cảnh Công ty đang khó khăn nên bị đơn xin phương án trả nợ trong vòng 20 tháng để thanh toán hết số nợ trên.

Ông xác nhận lúc ký hồ sơ vay, để đủ thủ tục nên cần có người thứ ba bảo lãnh nên Ngân hàng yêu cầu ông phải có người bảo lãnh và gửi hồ sơ bằng đường bưu điện cho ông đưa cho người thứ ba ký nên ông có ghi tên của ông Võ Duy T là cháu ruột kêu ông bằng cậu, lúc này Tú đang làm cho công ty của ông. Ông xác nhận ông tự ký tên của Võ Duy T nên ông sẽ chịu trách nhiệm đối với khoản nợ này, không liên quan tới ông Tú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lại Văn Vãn) trình bày:

Ông V xác nhận có ký Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/15/0081/HĐBL ngày 18/11/2015 cho Công ty Thế giới số để bảo lãnh cho khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/EMH/15/0081/HDHM ngày 18/11/2015 đối với Ngân hàng.

Trong trường hợp Công ty Th không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên cho Ngân hàng thì ông có trách nhiệm trả thay cho Công ty Th hết số nợ trên cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Võ Duy T) trình bày:

Ông là cháu kêu ông V là cậu, trước đây ông có ở nhờ nhà ông V để đi học và thỉnh thoảng có phụ ông V đi giao hàng cho Công ty Th (lúc này do ông V là giám đốc), ông không phải là nhân viên công ty. Ông hoàn toàn không biết việc ông V ký hợp đồng vay tiền của Ngân hàng cũng như Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/15/0081/HĐBL ngày 18/11/2015 có chữ ký tên ông. Ông xác nhận chữ ký trong hợp đồng bảo lãnh không phải của ông. Mặt khác, ông V cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết tên ông trong hợp đồng bảo lãnh là do ông V ký, do đó tranh chấp giữa Ngân hàng với Công ty Th và ông V không liên quan tới ông, ông không đồng ý trước yêu cầu của Ngân hàng.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông V) vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông T) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án

cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 26, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 179, 220, 228, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng không làm thay đổi nội dung vụ án do đó đề nghị Hội đồng xét xử rút kinh nghiệm.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Nhận thấy, căn cứ vào Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/EMH/15/0081/HDHM ngày 18/11/2015 và lời trình bày của các đương sự thể hiện việc bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và đã được Ngân hàng giải ngân. Tuy nhiên, quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên bị đơn đã không thanh toán đầy đủ số tiền gốc và lãi theo như thỏa thuận, vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ là 2.826.245.488 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.323.598.574 đồng, ông xác nhận số nợ gốc này; Lãi suất tính đến ngày 06/8/2020 là 1.502.646.914 đồng. Phía bị đơn xác nhận toàn bộ số nợ trên nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Đối với nghĩa vụ bảo lãnh của ông V, ông T theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/15/0081/HĐBL ngày 18/11/2015, xét thấy ông Vẫn đã xác nhận nghĩa vụ bảo lãnh của mình. Ông T không thừa nhận chữ ký trong hợp đồng bảo lãnh, ông V xác nhận chữ ký của ông T là do ông tự ký nên ông xin chịu toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh trên. Phía Ngân hàng không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông T nên không có cơ sở buộc trách nhiệm bảo lãnh của ông T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đối với yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông V chịu toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh đối với Hợp đồng bảo lãnh trên.

Tư những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 335, 336, 342 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét Đơn khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn hiện có trụ sở tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông Võ Duy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng ông T.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

- Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 2.826.245.488 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.323.598.574 đồng; Lãi suất tính đến ngày 06/8/2020 là 1.502.646.914 đồng); Thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật; Lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày 07/8/2020 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng;

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, Công ty Th là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận. Phía bị đơn xác nhận toàn bộ số nợ của Hợp đồng tín dụng trên nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Khoản 2 Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Xét nguyên đơn yêu cầu trách nhiệm bảo lãnh của ông Lại Văn V, ông Võ Duy T theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/15/0081/HĐBL ngày 18/11/2015, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với ông Lại Văn V: Ông V xác nhận có ký Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/15/0081/HĐBL ngày 18/11/2015, việc ký bảo lãnh là tự nguyện theo đó ông V bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Th trong trường hợp Công ty Th không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do đó, căn cứ vào các Điều 335, 336, 342 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về trách nhiệm bảo lãnh của ông V.

Đối với ông Võ Duy T: Ông T xác nhận không ký bảo lãnh tại Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/15/0081/HĐBL ngày 18/11/2015, chữ ký tên và viết tên trong Hợp đồng bảo lãnh trên không phải của ông. Ông V xác nhận Ngân hàng đưa hợp đồng cho ông đem về cho người thứ ba ký bảo lãnh cho đủ cơ sở vay nên chính ông tự ký tên của ông T trong hợp đồng bảo lãnh. Do đó, nay ông V xác nhận sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm bảo lãnh đối với Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh trên, không liên quan đến ông T, ông T không có trách nhiệm gì. Mặt khác, Ngân hàng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Tú trong hợp đồng bảo lãnh. Do đó, xét thấy không có cơ sở xem xét trách nhiệm bảo lãnh của ông Võ Duy T.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: chấp nhận yêu cầu về trách nhiệm bảo lãnh của ông V, không chấp nhận yêu cầu về trách nhiệm bảo lãnh của ông T (theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/15/0081/HĐBL ngày 18/11/2015).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận, nên Công ty Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 88.524.909 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 30.964.418 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 179, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 335, Điều 336, Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th.

Buộc Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Th có nghĩa vụ thanh toán nợ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số SME/EMH/15/0081/HDHM ngày 18/11/2015 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th, số tiền là 2.826.245.488 đồng, cụ thể:

+ Nợ gốc: 1.323.598.574 đồng

+ Lãi suất tính đến ngày 06/8/2020 là 1.502.646.914 đồng.

Thời hạn thanh toán: Khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Th không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ông Lại Văn V có nghĩa vụ trả thay theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/15/0081/HĐBL ngày 18/11/2015 (nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ nghĩa vụ được thỏa thuận trong Hợp đồng bảo lãnh trên).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền 88.524.9097đồng do Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Th chịu.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 30.964.418 đồng theo Biên lai thu số 0010420 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Th; Công ty Cổ phần Tích hợp Hệ thống Th; Ông Lại Văn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Võ Duy T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân

dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Nhung

